

ĐA DẠNG NGUỒN THU NHẬP VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐẾN THU NHẬP NGOÀI LÃI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thanh Phương*

Bài viết khám phá sự phụ thuộc của thu nhập ngoài lãi (NII) vào sự đa dạng hoá thu nhập (HHI) thông qua việc hồi quy biến NII theo HHI và các biến khác là độ lớn ngân hàng, tỷ phần trăm của tiền gửi so với tổng tài sản, tỷ lệ thu nhập lãi cận biên tỷ lệ phần trăm của vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản, tỷ lệ phần trăm của dư nợ so với tổng tài sản, mức độ hiện đại của công nghệ...

• Từ khóa: phong phú hoá thu nhập, thu nhập ngoài lãi, ngân hàng thương mại.

The article explores the dependence of non-interest income (NII) on income diversification (HHI) through regressing the NII variable on HHI and other variables such as bank size, percentage of deposits compared to total assets, marginal interest income ratio, percentage of equity to total assets, percentage of outstanding debt compared to total assets, and modern level of technology.

• Key words: income diversification, non-interest income, commercial bank.

Ngày gửi bài: 07/4/2025

Ngày gửi phản biện: 08/4/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 07/7/2025

Ngày chấp nhận đăng: 02/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i296.16>

1. Tính cấp thiết của nghiên cứu

Phong phú hoá nguồn thu nhập của NHTM được hiểu là NHTM tìm kiếm các con đường khác nhau để củng cố, tăng cường kết quả đầu ra của NHTM. Cung cấp phong phú dịch vụ từ đó giúp cải thiện và tạo lập thêm nguồn thu cho NHTM là đa dạng hoá, phong phú hoá thu nhập (Nguyễn Thị Kim Oanh và Nguyễn Thị Liên Hoa) (2018)

NHTM nghiên cứu, triển khai và cung ứng càng phong phú, đầy đủ các dịch vụ tài chính là biểu hiện của hành động nhằm đa dạng các nguồn thu nhập. Nhận định trên phù hợp với quan điểm cho rằng một tổ chức hướng dẫn, giải thích khách hàng chấp nhận các sản phẩm với sự tích hợp cao các tiện ích, đa dạng, có cơ hội hiện thực hoá nhiều nhu cầu tiềm ẩn của họ từ đó mang đến nhiều thu nhập hơn cho NHTM. Để kiểm định sự chính xác của lập luận trên, hồi quy mối quan hệ giữa NII và HHI được thực hiện.

Công thức tính toán mức HHI của NHTM được các tác giả Chortareas và ctg (2008), Nguyễn Thị

Cảnh và Hồ Thị Hồng Minh. (2004), sử dụng. HHI được đo lường theo công thức:

$$HHI_{it} = 1 - \left(\frac{INT_{it}}{TOR_{it}} \right)^2 - \left(\frac{CPE_{it}}{TOR_{it}} \right)^2 - \left(\frac{TRA_{it}}{TOR_{it}} \right)^2 - \left(\frac{OTH_{it}}{TOR_{it}} \right)^2$$

Trong đó:

HHI_{it} : mức độ đa dạng hóa thu nhập của từng ngân hàng theo từng năm

INT_{it} : Thu nhập ròng từ lãi và các khoản tương tự lãi của ngân hàng i theo từng năm

CPE_{it} : Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ của ngân hàng i theo từng năm

TRA_{it} : Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh và đầu tư của ngân hàng i theo từng năm

OTH_{it} : Thu nhập ròng từ hoạt động khác của ngân hàng i theo từng năm

TOR_{it} : Tổng thu nhập từ hoạt động của ngân hàng i theo từng năm

Nhiều nghiên cứu đã khảo sát về ảnh hưởng của HHI đến NII của NHTM. Nhưng đại đa số các công trình này được thực hiện ở các khu vực trên thế giới với các điều kiện khác biệt về hoạt động cũng như về môi trường kinh doanh so với NHTM ở Việt Nam. Hơn thế nữa, mẫu nghiên cứu được hình thành từ 25 NHTM đang giao dịch trên các thị trường HOSE, HNX, Upcom trong thời gian từ 2013-2023 nên có sự mới mẻ hơn, khác biệt hơn so với các nghiên cứu trước. Những phát hiện từ nghiên cứu là tiền đề để xuất các khuyến nghị nhằm mở rộng nguồn thu khác ngoài lãi cho các NHTM, phù hợp với chiến lược của NHNN là mở rộng, đa dạng hóa các nguồn thu của NHTM.

2. Cơ sở lý thuyết để xây dựng mô hình

Tác động của HHI đến *tổng thu nhập* của NHTM và NII được luận giải trong các công trình nghiên cứu đã được thực hiện.

* Đại học Thương mại; email: phuong.ntt@tmu.edu.vn

Pasiouras và Kosmidou (2007) đã khám phá ảnh hưởng của HHI đối với hiệu quả cuối cùng của NHTM ở Vương quốc Anh. Nghiên cứu tìm thấy HHI có tạo ra tác động đồng biến đến kết quả đầu ra cuối cùng của NHTM. Phong phú hoá thu nhập bằng cách mở rộng, củng cố các nguồn thu khác ngoài lãi đảm bảo các NHTM có thể thoát ly từng bước với thu nhập lãi (nguồn thu luôn thay đổi theo sự bất ổn định của lãi suất và điều kiện kinh tế), tăng các khoản thu nhập khác ngoài lãi. Pasiouras và Kosmidou cho rằng bất chấp sự phong phú hoá góp phần mang lại kết quả đầu ra cuối cùng cao hơn nhưng khuyến cáo các NHTM phải kiểm soát được những rắc rối, bất ổn liên quan đến các nguồn thu phi truyền thống đang được mở rộng, củng cố một cách có hiệu quả.

Laeven và Levine (2008) thông qua việc điều tra cách thức phong phú hoá nguồn thu nhập và những tác động của hiện tượng này đến sự ổn định, bền vững của các NHTM ở những thị trường mới nổi đã có phát hiện về sự tương tác thuận chiều giữa phong phú hoá thu nhập và các nguồn thu khác ngoài lãi. Nghiên cứu khẳng định rằng HHI có làm tăng các nguồn thu khác của NHTM ngoài nguồn thu từ lãi kết quả hoạt động của NHTM được cải thiện, tạo cơ sở tăng cường sự bền vững. Mặt khác, nghiên cứu này cũng tuyên bố rằng các NHTM ở các khu vực mới nổi đang được hưởng nhiều phúc lợi từ việc phong phú hoá vì nó cung cấp một bộ đệm chống lại sự không bất biến của lãi suất và kinh tế.

Stiroh (2004) tập trung kiểm nghiệm những tương tác của NII và những hoạt động của NHTM cùng với quản lý rủi ro. Stiroh nhấn mạnh rằng sự thay đổi của HHI do thay đổi thu nhập từ các giao dịch và thay đổi phí từ các dịch vụ về tài chính có thể tạo thêm lợi nhuận. Stiroh cũng cho rằng sẽ phát sinh nhiều rủi ro hơn do việc mở rộng nhiều hoạt động khác nhau để cố gắng tạo lập các thu khác ngoài thu từ lãi. Do đó, các NHTM phải giám sát thật sự cẩn thận những rắc rối có thể phát sinh của các hoạt động đa dạng của họ để tránh rủi ro quá mức. Quản lý rủi ro và giám sát chiến lược một cách có hiệu quả tác động thuận chiều đến đầu ra cuối cùng được tối ưu hoá của các nguồn thu nhập khác ngoài lãi trong khi giảm thiểu rủi ro có liên quan.

Lê Thanh Tâm (2022) đã phát hiện chiến lược phong phú hoá thu nhập có tác động đến NII (cơ cấu thu nhập ngoài lãi được điều chỉnh theo chiến lược này).

Ngoài ra độ lớn của ngân hàng (QM), tỷ lệ phần trăm của tiền gửi so với tổng tài sản (TG), tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (LCB), tỷ lệ phần trăm của vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản (VCSH), tỷ lệ phần trăm của dư nợ so với tổng tài sản (CV), mức độ hiện đại của công nghệ (ATM), tỷ lệ phần trăm của chi phí so với tổng thu nhập (CP), tỷ lệ phần trăm lợi nhuận sau thuế

so với trung bình của tổng tài sản (ROA), tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), tỷ lệ lạm phát (INF) và lãi suất thực (IR) cũng được ghi nhận có tác động đến NII theo các hướng khác nhau, được coi là các biến kiểm soát trong nghiên cứu này.

3. Mô hình nghiên cứu, dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên tổng quan nghiên cứu, mô hình nghiên cứu được thiết lập với các biến NII, HHI, QM, LCB, TG, CV, VCSH, ATM, ROA, CP, GDP, INF, IR. Vai trò của từng biến được giải thích trong bảng 1

Bảng 1: Giới thiệu các biến

Loại biến	Cách tính	Tác giả	Hướng tác động kỳ vọng
Biến phụ thuộc của mô hình			
NII	Thu nhập ngoài lãi Tổng thu nhập	Hoàng Ngọc Tiến, Võ Thị Hiền (2010)	
Biến độc lập			
HHI	$HHI_t = 1 - \left(\frac{INF_t}{TORR_t} \right)^2 - \left(\frac{CPER_t}{TORR_t} \right)^2 - \left(\frac{TRAR_t}{TORR_t} \right)^2 - \left(\frac{OTHR_t}{TORR_t} \right)^2$	Pasiouras và Kosmidou (2007), Chortareas và ctg (2008), Laeven và Levine (2008), Lê Thanh Tâm (2022)	+
Biến kiểm soát			
QM	LN (Tổng tài sản có của NHTM)	Aslam (2015)	+
TG	$\frac{\text{Tổng tiền gửi}}{\text{Tổng tài sản}}$	Aslam (2015),	+
LCB	$\frac{\text{Thu lãi} - \text{Chi lãi}}{\text{Tổng tài sản có sinh lãi}}$	Nguyễn . J (2012),	-
VCSH	$\frac{\text{Tổng vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng tài sản}}$	Chortareas (2012)	+
CV	$\frac{\text{Tổng dư nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$	Hahm (2008);	-
ATM	Số máy ATM	Bailey-Tapper (2010), Atelu (2016),	+
CP	$\frac{\text{Tổng chi phí}}{\text{Tổng thu nhập}}$	Meng (2018);	+
ROA	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}}$	Hahm (2008);	+
GDP	$\frac{GDP \text{ năm } t - GDP \text{ năm } t-1}{GDP \text{ năm } t-1}$	Hakimi (2012);	+
INF	Tốc độ lạm phát của từng năm	Chortareas (2012);	-
IR	Lãi suất thực tế hàng năm	Hahm (2008)	+

Nguồn: Tác giả xây dựng từ tổng quan

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Tác giả đã tính toán 2 biến HHI và NII và các biến kiểm soát từ các số liệu được cung cấp trong hệ thống BCTC của những NHTM có giao dịch trên sở HOSE, HNX và Upcom. Số liệu của các biến còn lại được thu thập từ các báo cáo của tổng cục thống kê.

3.3. Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu dạng bảng được xử lý bằng phần mềm Stata 16 theo trình tự: thống kê mẫu nghiên cứu, phân tích sự tương quan, kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến và chạy hồi quy. Để lựa chọn mô hình hồi quy phù hợp nhất tác giả đã sử dụng các kiểm định đặc trưng do phần mềm cung cấp.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Mẫu nghiên cứu và kết quả thống kê

NII của NHTM dao động quanh ngưỡng 0,09148 cận trên khoảng 0,29 và cận dưới là -0,0275. Số liệu trên khẳng định NII đang ở mức tương đối thấp trong

tổng thu nhập (tỷ lệ lớn nhất chưa đến 30% tổng thu nhập). Có NHTM trong năm 2013 và 2014 NII còn ở mức âm chứng tỏ chi ngoài lãi phát sinh lớn hơn thu nhập khi triển khai các mảng hoạt động này (ngân hàng LBP và OCB). NII của các NHTM có sự biến động lớn phản ánh rõ sự phân hoá giữa các nhóm NHTM. HHI xoay quanh ngưỡng 0.874545 cận trên là 0,99 và cận dưới là 0,698, độ lệch chuẩn 0,06 cho thấy HII của các NHTM không có sự phân hoá quá lớn.

Bảng 2: Thống kê mẫu nghiên cứu

Biến	Số quan sát	Mức trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
NII	271	0.09148	0.054659	-0.0275	0.289921
HHI	271	0.874545	0.060323	0.698725	0.992613
QM	271	1049855	1.23E+07	2.944996	1.63E+08
TG	271	0.880642	1.017983	0.065576	15.26915
NIM	271	3.020145	1.472837	0.00593	10.48703
CV	271	0.662893	0.755742	0.036859	12.43355
ATM	271	486.1513	663.8707	20	2510
CP	271	0.861579	0.095031	0.53781	1.158885
ROA	271	1.011994	0.918533	0	7.375422
VCSH	271	0.095235	0.109606	0.005599	1.329581
GDP	275	5.71397	1.754148	2.09	8.08
INFLATION	275	3.373497	1.577056	0.631201	8.02
IR	275	9.237273	1.63877	6.5	12.5

Nguồn: Kết quả chạy stata 16

4.2. Kết quả phân tích tương quan

Bảng 3: Ma trận phân tích tương quan

	NII	HHI	QM	TG	LCB	CV	ATM	CP	ROA	VCSH	GDP	INF	IR
NII	1												
HHI	-0.3211*	1											
QM	-0.0301	-0.0096	1										
TG	-0.1281*	0.0061	-0.0105	1									
LCB	0.3044*	-0.6999*	0.0655*	-0.0282	1								
CV	-0.0564*	-0.0168	-0.0236	0.8899*	0.008	1							
ATM	0.3329*	-0.2439*	-0.0013	-0.0742*	0.1228*	-0.2668*	1						
CP	-0.5405*	0.7355*	0.0234	0.0173	-0.4705*	-0.0419*	0.03	1					
ROA	0.3853*	-0.5346*	-0.0202	-0.0255	0.4423*	0.0257	0.1557*	-0.6750*	1				
VCSH	-0.0359	-0.0279	-0.0285	0.6145*	0.0422*	0.6904*	-0.1021*	-0.0766*	0.0663*	1			
GDP	0.1740*	0.0318	0.0013	0.0899*	0.0216	0.0605*	-0.0309	0.1655*	-0.0273	0.0893*	1		
INF	-0.1133*	0.2857*	0.0993*	-0.0403	-0.1453*	-0.0790*	-0.0644*	0.2000*	-0.1228*	-0.0174	0.0918*	1	
IR	-0.2930*	0.1507*	0.1287*	-0.0310	-0.1191*	-0.1232*	0.0012	0.4062*	-0.2763*	-0.0310	0.2299*	0.4227*	1

Nguồn: Kết quả chạy stata 16

4.3. Kiểm định đa cộng tuyến

Bảng 4: Kết quả kiểm định đa cộng tuyến

Biến	VIF	1/VIF
CV	5.06	0.197752
HHI	4.06	0.246170
CP	3.88	0.257512
LCB	2.12	0.471442
VCSH	2.01	0.496386
ROA	1.94	0.515904
IR	1.7	0.586977
INF	1.37	0.731717
ATM	1.15	0.873169
GDP	1.11	0.903499
QM	1.03	0.969625
TG	2.05	0.876543
Mean VIF	2.63	

Nguồn: Kết quả chạy stata 16

4.4. Mô hình hồi quy

Kết quả hồi quy mô hình nghiên cứu tác động của HHI đến NII của NHTM Việt Nam được phản ánh trong bảng 5.

Bảng 5: Các mô hình hồi quy

Biến	OLS	FEM	REM	FGLS
HHI	0.309*** (0.0888)	0.589*** (0.0837)	0.499*** (0.0809)	0.499*** (0.113)
QM	-8.92e-11 (2.19e-10)	-4.57e-10 (1.89e-10)	-3.10e-10 (1.86e-10)	-3.10e-10 (6.87e-11)
TG	-0.00716 (0.00587)	-0.00296 (0.00463)	-0.00373 (0.00467)	-0.00373 (0.00337)
LCB	0.00853*** (0.00263)	0.000921 (0.00239)	0.00307 (0.00234)	0.00307 (0.00321)
CV	0.00359 (0.00869)	0.00350 (0.00693)	0.00350 (0.00698)	0.00350 (0.00443)
ATM	1.75e-05*** (4.28e-06)	8.38e-05 (5.54e-05)	2.26e-05** (9.18e-06)	2.26e-05*** (7.87e-06)
CP	-0.326*** (0.0551)	-0.379*** (0.0487)	-0.368*** (0.0481)	-0.368*** (0.0839)
ROA	0.00159 (0.00403)	2.84e-05 (0.00323)	0.00110 (0.00322)	0.00110 (0.00502)
VCSH	-0.00412 (0.0344)	-0.000718 (0.0283)	-0.000177 (0.0284)	-0.000177 (0.0169)
GDP	-0.00202 (0.00158)	-0.00170 (0.00117)	-0.00181 (0.00119)	-0.00181* (0.000946)
INFLATION	-0.000722 (0.00199)	-0.00340** (0.00163)	-0.00278* (0.00163)	-0.00278* (0.00168)
IR	-0.00155 (0.00214)	-0.000824 (0.00190)	-0.00140 (0.00177)	-0.00140 (0.00197)
Constant	0.0989 (0.0704)	-0.111 (0.0757)	-0.0181 (0.0631)	-0.0181 (0.0697)
Observations	271	271	271	271
R-squared	0.390	0.415		
Number of NAME		29	29	29

Nguồn: Kết quả chạy stata 16

FEM tốt hơn OLS (thông qua tiến hành F-test). REM tối ưu hơn FEM (thông qua kiểm định Hausman). Tuy nhiên REM có hiện tượng tự tương quan và phương sai sai số thay đổi do đó cần được hiệu chỉnh lại. Mô hình FGLS cung cấp thông tin sự biến đổi tăng giảm của HHI kéo theo sự tăng giảm của NII. Ngoài ra ATM và CP cũng có tác động đến NII.

HHI có tác động tích cực đến NII là do đa dạng và phong phú hoá thu nhập các NHTM cần thiết kế và mở rộng các gói sản phẩm và dịch vụ, phong phú hoá hoạt động kinh doanh, phong phú hoá kết quả đầu ra về thu nhập từ nhiều nguồn khác nhau không chỉ tập trung vào nguồn thu từ lãi. Mối quan hệ giữa HHI và NII của NHTM trong mô hình hồi quy này tương tự như khẳng định của Pasiouras và Kosmidou (2007), Chortareas và ctg (2008), Laeven và Levine (2008), Lê Thanh Tâm (2022) trước đó.

ATM có tác động đồng biến đến NII. Hạ tầng công nghệ của NHTM càng hiện đại, NHTM càng có điều kiện kết nối với nhiều hệ sinh thái, nâng cấp thêm các lợi ích, sự tiện dụng cho các gói sản phẩm do NHTM cung cấp, nhấn mạnh vào nhóm các dịch vụ được số hoá từ đó dễ dàng tạo ra sự kích thích, tò mò, dễ hút người dùng, kéo thêm nhiều khách hàng tiềm năng, giữ chân khách hàng truyền thống, mở rộng thêm các khoản thu khác ngoài nguồn thu từ lãi. Phát hiện trên đồng nhất với nhận định của Bailey-Tapper (2010), Atelu (2016).

Chi phí tăng làm giảm NII, mối liên hệ này ngược với mối liên hệ đã được Meng (2018) phát hiện trước đó. Ở Việt Nam, hầu hết các NHTM đều có những lưu tâm nhất định đến những tác động của quá trình nhúng công nghệ để chuyển đổi hoạt động đến toàn bộ ngành ngân hàng và đang triển khai nhưng công việc đầu tiên trong quá trình số hoá nên chi phí đầu tư, chuyển đổi công nghệ thường cao hơn những khoản thu nhập ngoài lãi nhận được.

5. Một số gợi ý từ kết quả nghiên cứu

5.1. Một số gợi ý đối với các ngân hàng thương mại

Thứ nhất, NHTM nên hoạch định chủ trương, chiến lược đa dạng, phong phú hoá nguồn thu nhập một cách rõ ràng đặc biệt nhấn mạnh các khoản thu được mang lại từ các sản phẩm dịch vụ mới, ngoài dịch vụ tín dụng. Các khoản thu ngoài lãi bao gồm các khoản thu phí, hoa hồng phí, các khoản thu từ hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và kinh doanh ngoại hối. Đối với các dịch vụ có thu phí và hoa hồng phí cần duy trì nhóm sản phẩm cũ, nghiên cứu chuyên sâu phát triển mạnh mẽ và cung ứng nhiều gói sản phẩm mới, các gói liên kết, các gói sản phẩm với hàm lượng lớn công nghệ, nhóm dịch vụ phái sinh, nhóm dịch vụ quản lý tài sản, nhóm dịch vụ tư vấn chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh, quản lý tài chính cá nhân... Đi đôi với xu hướng mở rộng các dịch vụ thu phí và hoa hồng phí các NHTM cần phải ổn định và giảm mức phí, nhấn mạnh đến giá trị cơ bản của sản phẩm, nâng cao tiềm lực và vị thế trong cạnh tranh thông qua chất lượng, gia tăng nguồn thu ngoài lãi nhờ tăng số lượng các giao dịch, tăng quy mô giao dịch. Các nghiệp vụ liên quan đến chứng khoán cần được các NHTM nghiên cứu kỹ và đầu tư theo danh mục để phân tán rủi ro. Đối với hoạt động kinh doanh ngoại hối nên duy trì ở mức độ phù hợp chấp hành đúng các quy định về giám sát và quản lý trạng thái ngoại hối của NHNN.

Thứ hai, mỗi NHTM nên tiếp tục củng cố và tạo dựng và tăng cường uy tín, tạo dựng hình ảnh riêng và thương hiệu riêng, Uy tín và thương hiệu của ngân hàng là yếu tố quan trọng tác động đến quyết định mua sắm của khách hàng.

Thứ ba, các NHTM cần giám sát nghiêm túc rủi ro. Càng mở rộng, thúc đẩy phong phú sản phẩm thì càng khó quản lý, càng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Rủi ro nhiều hơn sẽ gây tác động bất lợi hơn đến chất lượng của sản phẩm, dịch vụ, tác động tiêu cực đến sự thoả mãn của khách hàng và có nguy cơ trực tiếp làm giảm lợi nhuận. Do đó, song hành với mở rộng, hỗ trợ thúc đẩy để phong phú hoá các nghiệp vụ và hoạt động cung ứng dịch vụ mới các NHTM cần chú tâm đến giám sát, theo dõi giảm thiểu và xử lý rủi ro phát sinh

trong quá trình cán bộ thực hiện các nghiệp vụ, rủi ro liên quan đến chiến lược và chính sách, cũng như quy trình quản trị, hệ thống ngân hàng lõi.

Thứ tư, các NHTM cần tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm để tận dụng sự tối ưu của công nghệ vào các hoạt động và nhịp sống của NHTM. Trong hành trình mới công nghệ số với tác động sâu sắc và quyết liệt của chuyển đổi số là một yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất, có vai trò chính yếu trong việc nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng và phát triển cũng như đổi mới cách thức cung ứng sản phẩm dịch vụ mới.

5.2. Khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước

Thứ nhất, các cơ quan hoạch định, ban hành các chính sách cần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi ổn định, kiểm soát lạm phát, mức lãi suất thích hợp trong nền kinh tế mở để tránh những cú sốc tác động từ môi trường quốc tế, đảm bảo thị trường tài chính trong nước phát triển ổn định, lành mạnh. Môi trường kinh doanh thuận lợi là yếu tố quan trọng trong chiến lược đa dạng hoạt động của NHTM.

Thứ hai, đối với những dịch vụ tài chính mới như tư vấn tài chính chính, quản lý tài sản, cung cấp kế hoạch hưu trí... cần có những dẫn cụ thể từ các cơ quan, tổ chức liên ngành có chức năng quản lý thông qua các văn bản, nghị định, thông tư hướng dẫn.

Thứ ba, NHNN cần nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra ngân hàng và các hoạt động cảnh báo sớm các rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống, ngăn ngừa các vi phạm pháp luật ngân hàng.

Tài liệu tham khảo:

- Aslam, F., Mehmood, B., & Ali, S. (2015). Diversification in Banking: Is Noninterest Income the Answer for Pakistan's Case. *Science International (Lahore)*, vol. 27, no.3, pp. 2791-2794.
- Atellu, A. R. (2016). Determinants of non-interest income in Kenya's commercial banks. *Ghanaian Journal of Economics*, vol. 4, no.1, pp. 98-115.
- Bailey-Tapper, S. A. (2010). Non-interest Income, Financial Performance & the Macroeconomy: Evidence on Jamaican Panel Data. *Bank of Jamaica (BOJ) Working Paper*.
- Báo cáo thường niên, báo cáo tài chính trong giai đoạn 2015-2023 của 25 NHTM có giao dịch trên sàn chứng khoán Việt Nam...
- Chortareas, G. E., Garza-García, J. G., & Girardone, C. (2012). Competition, efficiency and interest rate margins in Latin American banking. *International Review of Financial Analysis*, vol. 24, pp. 93-103.
- Hakimi, A., Hamdi, H., & Djelassi, M. 2012. 'Modelling non-interest income at Tunisian banks'.
- Hahn, J.-H. 2008. 'Determinants and consequences of non-interest income diversification of commercial banks in OECD countries', *East Asian Economic Review*, vol. 12, no.1, pp. 3-31.
- Hoàng Ngọc Tiên, Võ Thị Hiền (2010). Trao đổi về phương pháp tính lệ thu nhập ngoài tín dụng của ngân hàng thương mại', *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, vol. 48, pp. 36-39.
- Hồ Thị Hồng Minh, & Nguyễn Thị Cảnh. 2014. 'Đa dạng hóa thu nhập và các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam', *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, vol. 106+107 (tháng 01+02/2015), pp. 13-24.
- Laeven, L., & Levine, R. (2008). Bank Income Diversification and Financial Stability: Evidence from Emerging Markets. *Journal of Multinational Financial Management*, vol. 65, September 2002, 100757.
- Lê Thanh Tâm (2022). Đa dạng hoá thu nhập và rủi ro nợ ngân hàng: nghiên cứu trước và trong bối cảnh Covid 19- tại Việt Nam. *Tạp chí thị trường tài chính tiền tệ* ngày 22/10/2022
- Meng, X., Cavoli, T., & Deng, X. (2018). Determinants of income diversification: evidence from Chinese banks. *Applied Economics*, vol. 50, no.17, pp. 1934-1951.
- Nguyen, J. (2012). The relationship between net interest margin and noninterest income using a system estimation approach. *Journal of Banking & Finance*, vol. 36, no.9, pp. 2429-2437.
- Nguyễn Thị Liên Hoa, & Nguyễn Thị Kim Oanh. 2018. 'Đa dạng hóa thu nhập và rủi ro của hệ thống ngân hàng thương mại – bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam', *Kỷ yếu hội thảo khoa học An ninh tài chính của Việt Nam trong hội nhập quốc tế*, pp. 213-229.
- Pasiouras, F., & Kosmidou, K. (2007). The Impact of Income Diversification on Bank Performance: Evidence from the UK. *Journal of Banking & Finance*
- Sitoh, K. J. 2004. 'Diversification in banking: Is noninterest income the answer?', *Journal of Money, Credit, and Banking*, vol. 36, no.5, pp. 853-882.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam, báo cáo kinh tế vĩ mô giai đoạn 2015-2023